BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Số: 234/QĐ-ĐHTBD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành chương trình đào tạo các ngành đại học chính quy 2022 của Trường Đại học Thái Bình Dương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg, ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-ĐHTBD-HNNĐT ngày 17/11/2020 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-ĐHTBD ngày 07/12/2020 của Hiệu trưởng về việc phân công công tác Ban giám hiệu Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 255/QĐ-ĐHTBD, ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ vào các Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo góp ý về chương trình đào tạo đại học chính quy năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng các Khoa và Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chương trình đào tạo đại học chính quy các ngành" của Trường đại học Thái Bình Dương (*có chương trình đào tạo kèm theo*).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và đào tạo kể từ năm 2022.

Điều 3. Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn, Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- HĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện) ;
- Lưu VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Phạm Quốc Lộc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN LUẬT

Ngành đào tạo : Luật

Trình độ đào tạo : Đại học

Mã ngành : 7380101

Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	Lớp định hướng áp dụng
7380101.01	Luật học tổng hợp và ứng dụng	Chính quy 2022

(Ban hành theo Quyết định số: 232A/QĐ-ĐHTBD ngày 29/8/2022

của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương)

Khánh Hòa, 2022

MỤC LỤC

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH 1

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo 1

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1

PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH 1

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương 1

2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương 2

2.3. Căn cứ pháp lý 2

2.4. Căn cứ thực tiễn 3

PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP 3

3.1. Mục tiêu đào tạo 3

3.2. Chuẩn đầu ra 5

3.3. Cơ hội nghề nghiệp 6

PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP 7

4.1. Tiêu chí tuyển sinh 7

4.2. Tổ chức đào tạo 7

4.3. Điều kiện tốt nghiệp 9

PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO 9

5.1. Cấu trúc chương trình 9

5.2. Danh mục môn học 10

5.3. Hoạt động bổ trợ đào tạo 13

PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 14

6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình 14

6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác 16

PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN 19

7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu 19

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình 21

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Luật hướng đến việc đào tạo và cung ứng cho xã hội những chuyên gia pháp lý, những cử nhân Luật có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt; được trang bị một cách có hệ thống kiến thức về pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; có kiến thức pháp luật chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh, dân sự, hình sự và hành chính; có năng lực hoạt động thực tiễn và kỹ năng vận dụng pháp luật vào việc xử lý các tình huống thực tiễn một cách hiệu quả; có kỹ năng mềm và năng lực ngoại ngữ, tin học nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật. Với nền tảng đào tạo cử nhân chuyên ngành Luật chuyên nghiệp, người học sẽ có năng lực học tập suốt đời.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

a) Ngành đào tạo : Luật

- Tên tiếng Anh : Law

- Mã ngành cấp 4 : 7380101

- Trình độ đào tạo : Đại học

- Loại hình đào tạo : Chính quy

- Loại văn bằng : Cử nhân

- Thời gian đào tạo : 3,5 năm

- Tổng số tín chỉ : 130 tín chỉ[1]

b) Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	
	Tiếng Việt	Tiếng Anh
7380101.01	Luật học tổng hợp và ứng dụng	Theories and practices in the legal profession

c) Cơ sở đào tạo và cấp bằng: Trường Đại học Thái Bình Dương

d) Đơn vị tổ chức giảng dạy: Khoa Luật và Quản lý nhà nước

PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương

a) Tầm nhìn: Đại học Thái Bình Dương là đại học miền duyên hải có uy tín, có khả năng quy tụ giảng viên xuất sắc và sinh viên triển vọng với môi trường giáo dục liêm chính, chuẩn mực quốc tế.

[1] Trong đó đã bao gồm 9 tín chỉ không tính vào điểm trung bình chung gồm các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

b) Sứ mệnh: Đại học Thái Bình Dương truyền thụ và phát triển tri thức nhằm đào tạo người học có năng lực tự chủ trong cuộc sống và nghề nghiệp, thích ứng với môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ toàn cầu và trở thành công dân hữu ích, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của địa phương và xã hội.

c) Giá trị cốt lõi: Trong mọi quyết định hành động của mình, tập thể sư phạm và sinh viên trường Đại học Thái Bình Dương cam kết theo đuổi các giá trị cốt lõi sau đây:

GIÁ TRỊ	ĐẢM BẢO
Chính trực	Thực hành sự tử tế và sự trung thực trong lời nói và hành động.
Tự do học thuật	Ủng hộ việc mở rộng phạm vi tìm hiểu và nghiên cứu.
Tôn trọng sự khác biệt	Ủng hộ sự khác biệt trên cơ sở tôn trọng sự thực, phẩm cách, lẽ phải, công bằng và đạo lý.
Trách nhiệm	Sự tự khẳng định trách nhiệm cá nhân trước mỗi chọn lựa, quyết định hành động.
Cách tân	Ủng hộ giải pháp sáng tạo.
Hài hòa	Cân nhắc đủ các thành tố cần thiết trong việc ra quyết định hành động.

2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương

"THỰC HỌC – TOÀN DIỆN – TRAO QUYỀN – TƯƠNG TÁC – THẤU CẢM"

a) Thực học: Sinh viên được trải nghiệm thực tế như một phần cốt lõi của chương trình học như làm dự án thật từ doanh nghiệp, học qua nghiên cứu trường hợp thực tế, kết nối với chuyên gia nghề nghiệp, trong các không gian thực hành đa dạng.

b) Toàn diện: Sinh viên phát triển năng lực toàn diện được tích hợp vào từng môn học: Từ tư duy phân tích, phản biện, sáng tạo đến giao tiếp, thuyết trình và truyền thông; Từ thông minh cảm xúc đến trách nhiệm cá nhân và dấn thân xã hội.

c) Trao quyền: Sinh viên làm chủ quá trình học tập, được đối xử như những cá nhân trưởng thành, được phản hồi thường xuyên từ giảng viên và chuyên gia. Môi trường học tập dân chủ giúp sinh viên phát huy sức mạnh bản thân, tạo sức bật độc đáo cho từng cá nhân.

d) Tương tác: Sinh viên tương tác thường xuyên và có ý nghĩa với giảng viên, người cùng học, lãnh đạo trường, cựu sinh viên, với các cá nhân và tổ chức để việc học hiệu quả và hứng khởi. Tương tác giúp sinh viên xây dựng cho mình một mạng lưới các kết nối hữu ích cho cuộc sống và công việc ngay từ khi còn đi học.

e) Thấu cảm: Sinh viên phát triển lòng thấu cảm vừa thông qua nhận thức cảm xúc của bản thân và người khác, vừa thông qua thực hành sống tử tế và nhân ái.

2.3. Căn cứ pháp lý

a) Văn bản pháp luật của nhà nước

- Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo;

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

b) Văn bản của Trường Đại học Thái Bình Dương

- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHTBD-HĐQT ngày 20/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 (bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục);

- Quyết định số 188/QĐ-ĐHTBD ngày 09/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành Quy trình về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

2.4. Căn cứ thực tiễn

- Tham khảo Chương trình đào tạo ngành luật của Khoa Luật - ĐHQGHN, Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật Huế, Trường Đại học Luật TP.HCM, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, và Trường Đại học Cần Thơ.

- Nhận định nhu cầu xã hội từ Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa 15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

- Tổng hợp kết quả khảo sát các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, các doanh nghiệp, và hội nghề nghiệp (Bảng tổng hợp số 01/KLQLNN-BTH).

- Đúc kết ý kiến thảo luận của giảng viên (Biên bản họp Khoa Luật và Quản lý nhà nước ngày 07/06/2022 và ngày 13/07/2022).

- Đúc kết từ khảo sát trải nghiệm của sinh viên năm cuối và cựu sinh viên (Bảng tổng hợp số 02/KLQLNN-BTH).

PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

3.1. Mục tiêu đào tạo

a) Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trường Đại học Thái Bình Dương được thiết kế theo triết lý giáo dục khai phóng và hệ tín chỉ phổ biến tại các trường đại học ở Mỹ và Canada. Trên nền tảng giáo dục khai phóng, chương trình đào tạo TBD mang đến cho sinh viên một chuyên môn sâu trên nền

tảng rộng các năng lực tổng quát, giúp người học thích nghi nhanh và thành công trong môi trường làm việc năng động, đa dạng và nhiều biến đổi.

- Chuyên môn sâu: Sinh viên khám phá các học phần chuyên ngành kết hợp ứng dụng tức thời và thường xuyên vào thực tiễn việc làm thông qua các đề án, hoạt động thực hành tích hợp, hai kỳ thực tập, các chuyên đề với chuyên gia trong nước và quốc tế.

- Nền tảng rộng: Sinh viên rèn luyện liên tục các nhóm kiến thức và năng lực như Kiến thức tổng quát về con người, xã hội và tự nhiên; Kỹ năng thực hành và năng lực trí tuệ; Trách nhiệm cá nhân và đạo đức xã hội; Thích nghi thực tiễn; Ngoại ngữ.

Cử nhân Luật hướng đến đào tạo những chuyên gia pháp lý cho tương lai, những người nắm vững kiến thức kinh tế, văn hóa, xã hội và pháp lý đủ để tự nghiên cứu hệ thống pháp luật Việt Nam, thông thạo Anh văn đủ để từng bước mở rộng tầm nhìn sang các hệ thống pháp luật nước ngoài và quốc tế. Cử nhân Luật được định hướng chuyên về pháp luật kinh doanh, có thể trở thành chuyên viên pháp lý trong doanh nghiệp, tổ chức xã hội hoặc làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị Việt Nam, đồng thời cũng tích lũy kiến thức, kỹ năng và thái độ đủ tự tin để độc lập hành nghề trong một thị trường việc làm đang thay đổi rất nhanh.

b) Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai như: pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, kinh doanh làm nền tảng cho việc nhận biết, phân tích và áp dụng pháp luật phù hợp đối với các tình huống hoặc sự kiện pháp lý.

- Đào tạo cho sinh viên các kỹ năng cần thiết phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp như giao tiếp và thiết lập quan hệ cộng đồng, rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như có khả năng giao tiếp và hoạt động nghề nghiệp bằng ngoại ngữ. Những kỹ năng này giúp sinh viên thiết lập quan hệ nghề nghiệp trong môi trường làm việc pháp lý và có kỹ năng tự nghiên cứu và giải quyết vấn đề một cách độc lập.

- Định hướng cho sinh viên trong hoạt động nghề nghiệp theo các giới hạn, chuẩn mực đạo đức nhằm phù hợp với trách nhiệm của một người hành nghề pháp luật. Rèn luyện cho sinh viên có ý thức tự học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ của bản thân.

Cụ thể mục tiêu đào tạo cử nhận Luật như sau:

PO1: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, có kỹ năng thực hành nghề luật, có khả năng nghiên cứu, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và trách nhiệm công dân; sống và làm việc theo pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

PO2: Hiểu biết cơ bản về tin học, lịch sử, văn hóa, xã hội làm nền tảng cho nghiên cứu pháp luật; có kiến thức pháp luật, có kỹ năng áp dụng pháp luật hiệu quả; có kỹ năng chung sống, sử dụng ngoại ngữ, máy tính và làm việc nhóm nhằm phục vụ cho việc học tập, hành nghề, nghiên cứu và tự đào tạo bản thân.

PO3: Hiểu biết và vận dụng pháp luật phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

PO4: Có những kiến thức về Nhà nước và pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế; có thể áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; có khả năng làm việc độc lập,

tự chủ và sáng tạo trong các cơ quan nhà nước, các loại hình tổ chức, doanh nghiệp và tự hành nghề.

PO5: Có tâm huyết với nghề luật, xây dựng và bảo vệ pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế; có khả năng phát triển thành nhà khoa học pháp lý góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có khả năng nghiên cứu, tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.

PO6: Trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh doanh - thương mại, pháp luật dân sự, pháp luật hành chính, pháp luật hình sự và pháp luật quốc tế.

PO7: Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật nền tảng trong chuyên ngành kinh tế, thương mại để sinh viên có thể làm việc ở các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh.

PO8: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về thủ tục giải quyết các tranh chấp phát sinh trong xã hội; thủ tục về tố tụng hình sự, hành chính.

PO9: Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến pháp luật liên quan đến chuyên ngành hẹp, giúp cho sinh viên có thể làm việc ngay trong một số lĩnh vực pháp luật như tư vấn, bào chữa, đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại và một số kỹ năng khác trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế.

3.2. Chuẩn đầu ra

Mã CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra
I.	**Kiến thức cơ bản**
PLO-1.	Sinh viên có kiến thức cơ bản về giáo dục tổng quát, bao gồm kiến thức và kỹ năng giáo dục khai phóng, lý luận chính trị.
PLO-2.	Sinh viên có lối tư duy logic để có thể áp dụng những quy định pháp luật trong thực tiễn hoặc có lý luận logic để lý giải những vấn đề mới nảy sinh.
PLO-3.	Sinh viên có kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật; phân biệt được các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
II.	**Kiến thức nghề nghiệp**
PLO-4.	Sinh viên hiểu, áp dụng và phân tích được những tình huống pháp luật trong một số lĩnh vực như hình sự, dân sự, lao động, đất đai, hành chính...
PLO-5.	Sinh viên có kiến thức cơ bản về những quy định, tập quán quốc tế trong lĩnh vực công pháp, tư pháp;
PLO-6.	Sinh viên áp dụng được các thủ tục tố tụng trong hành chính, tố tụng dân sự, tố tụng hình sự;
PLO-7.	Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành liên quan như: hợp đồng, thừa kế, bộ máy nhà nước, tội phạm học, phân tích, thống kê và dự báo được tình hình tội phạm;
PLO-8.	Sinh viên hiểu và vận dụng được quy định pháp luật để tham gia, tư vấn, bào chữa các vụ án hình sự, dân sự, hành chính;

III.	**Kỹ năng cơ bản và nghề nghiệp**
PLO-9.	Có kỹ năng mềm (như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian...) và các kỹ năng thực hành pháp luật cơ bản như kỹ năng giao tiếp với khách hàng, kỹ năng nói, viết và nghiên cứu pháp luật, kỹ năng phân tích án lệ, kỹ năng tư vấn, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng đàm phán hợp đồng thương mại, kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại, kinh doanh quốc tế...;
PLO-10.	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và sử dụng những thành tựu mới về khoa học pháp lý để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực pháp luật được đào tạo; có năng lực tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn thông thường, phức tạp và đột xuất;
PLO-11.	Có kỹ năng tư vấn pháp luật hoặc giải quyết các vụ việc có liên quan đến pháp luật về kinh tế, dân sự, hình sự, hành chính...;
IV.	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm**
PLO-12.	Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống;
PLO-13.	Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin... để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống;
PLO-14.	Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và dấn thân với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột...

3.3. Cơ hội nghề nghiệp

- Chuyên viên pháp lý: Làm việc ở các tổ chức kinh tế và tổ chức phi chính phủ với những công việc liên quan đến đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng; đề xuất giải pháp xử lý tình huống pháp lý trong kinh doanh.

- Viên chức, công chức quản lý nhà nước: Phụ trách các công việc liên quan đến pháp luật và kinh tế trong các cơ quan nhà nước (các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp), trong các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Thẩm phán, thư ký tòa án: Ứng tuyển công chức vào các tòa án để đảm nhiệm vị trí thư ký tòa án. Sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm xử lý sẽ được đề cử tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn và bổ nhiệm chức danh thẩm phán. Người được bổ nhiệm thẩm phán sẽ được nhân danh nhà nước tiến hành xét xử các vụ tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, xét xử các tội phạm và quyết định các vấn đề khác thuộc lĩnh vực tư pháp.

- Trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp lý: Làm việc tại các trung tâm tư vấn trong lĩnh vực kinh tế và pháp luật.

- Luật sư: Điều kiện tiên quyết để trở thành luật sư là tốt nghiệp tối thiểu đại học ngành luật. Và sau khi trải qua một khóa nghiệp vụ luật sư và thời gian tập sự theo quy định, cử nhân luật

có thể làm thủ tục xin cấp thẻ hành nghề luật sự. Nhờ đó, có thể tự mình tư vấn, đại diện, bào chữa cho đương sự, các doanh nghiệp tại các phiên tòa hoặc tại các cơ quan quản lý nhà nước.

- Công chứng viên: Điều kiện tiên quyết để trở thành công chứng viên là tốt nghiệp tối thiểu đại học ngành luật, cộng với một khóa nghiệp vụ công chứng viên và trải qua thời gian tập sự 12 tháng, cử nhân luật có thể xin cấp thẻ hành nghề công chứng viên. Người trở thành công chứng viên có thể mở văn phòng công chứng hoặc hợp tác mở văn phòng công chứng để thực hiện các dịch vụ pháp lý theo quy định pháp luật.

- Khởi nghiệp nghề luật: Sau khi tích lũy một số kinh nghiệm thực tiễn, người tốt nghiệp cử nhân luật có thể mở văn phòng luật sư, thành lập các công ty luật, hoặc công ty cung cấp các dịch vụ tư vấn doanh nghiệp.

PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

4.1. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.2. Tổ chức đào tạo

a) Thời gian đào tạo: Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 3,5 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 11 học kỳ.

b) Phân đoạn đào tạo

GIAI ĐOẠN	MÔ TẢ
Khai phóng tiềm năng	Phát triển năng lực toàn diện và thông minh cảm xúc.
Khám phá ngành nghề	Hiểu biết chung về nền tảng pháp luật, tư duy pháp lý; áp dụng pháp luật và giải quyết các tình huống tranh chấp dân sự đơn giản.
Phát triển chuyên môn	Có khả năng áp dụng pháp luật về hình sự, hành chính, kinh doanh thương mại; có thể phân tích tình huống và tư vấn áp dụng pháp luật.
Làm chủ bản thân	Sẵn sàng dấn thân vào nghề luật thông qua làm việc độc lập và nhóm tại cơ quan nhà nước, doanh nghiệp; thực hiện công việc tư vấn áp dụng pháp luật, phân tích và giải quyết tranh chấp pháp luật.

c) Phương pháp dạy và học

PHÂN NHÓM	GHI CHÚ	PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC
Các phương pháp chủ đạo (60%)	Được áp dụng phủ rộng trong nhiều môn học và xuyên suốt cả quá trình đào tạo	Học qua điển cứu (Case study) Lớp học đảo (Flipped classroom) Tranh luận, tranh biện (Debate) Phương pháp thuyết giảng (Lecturing)
Các phương pháp bổ trợ (30%)	Tần suất áp dụng thấp hơn do đặc thù của phương pháp nhưng vẫn đóng một	Phương pháp thực địa (On-site learning) Thực tập (Internship)

	vài trò quan trọng hình thành năng lực người học	Học trong quá trình làm/Học từ trải nghiệm (Embedded learning/Work-integrated learning)
Các phương pháp đặc thù (10%)	Chỉ áp dụng được trong một số môn học phù hợp nhất định, có tác dụng bổ khuyết một số năng lực, phẩm chất của người học mà các phương pháp khác còn khiếm khuyết	Học qua dự án (Project-based learning) Học qua phục vụ cộng đồng (Service Learning) Phương pháp đóng vai (Role play) Phương pháp điền dã (Field study) Phương pháp mô phỏng (Simulation) Phương pháp trò chơi hóa (Gamification)

d) Phương pháp đánh giá

Một môn học phải có ít nhất 3 thành phần đánh giá và thường không quá 5 thành phần được đánh ký hiệu A1, A2... A5, được phân bổ thời gian dàn trải đều theo kế hoạch đào tạo, đảm bảo hợp lý và liên tục. Trong đó:

- A1 là thành phần bắt buộc, đánh giá qua các hoạt động tại lớp như thảo luận nhóm, tranh luận, thuyết trình, giải quyết vấn đề...

- A2 đến A5: Tùy biến theo môn học

(*) Nguyên tắc chung: Các thành phần đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Bài đánh giá bám sát chuẩn đầu ra của môn học bằng cách nêu rõ các CLO liên quan.

- Mỗi bài đánh giá có rubrics kèm theo đề cương dưới dạng phụ lục.

- Không có một thành phần đánh giá nào chiếm trọng số lớn hơn 50%.

- Hạn chế tối đa hình thức thi kiểm tra kiến thức mang tính dữ kiện, nhớ, ghi chép.

(*) Các hình thức đánh giá

HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ	THƯỜNG ÁP DỤNG CHO PHẦN ĐÁNH GIÁ	
	QUÁ TRÌNH	HẾT MÔN
Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	
Thuyết trình (Oral Presentation)	x	x
Đánh giá hoạt động (Performance Test)	x	
Nhật ký thực tập (Journal and Blogs)	x	
Bài trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x
Bài tự luận tập trung (Paper-based exam room)	x	x
Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)		x
Viết báo cáo (Written Report)		x
Thuyết trình cá nhân (Oral Presentation)	x	x
Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork)	x	
Báo cáo khóa luận (Graduation Thesis/ Report)		x

e) Cách tính điểm

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm như quy định tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương, ban hành theo Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng- an ninh.
- Hoàn thành các môn học Giáo dục thể chất.
- Tích lũy đủ 18 tín chỉ English là đồng nghĩa với sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương IELTS 5.0, hay bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Tích lũy đủ 3 tín chỉ môn học Công nghệ thông tin thời đại số là đồng nghĩa với sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Một số quy định khác theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	**GIÁO DỤC TỔNG QUÁT**	**53**	**40**	**13**
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	5	10
1.2.	Ngoại ngữ	18	18	
1.3.	Chính trị	11	11	
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3
2.	**NGÀNH**	**71**	**65**	**6**
2.1.	Cơ sở ngành	17	17	
2.2.	Cốt lõi ngành	38	38	
2.3.	Chuyên ngành	16	10	6
3.	**TỐT NGHIỆP**	**6**		**6**
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	**130**	**105**	**25**

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
4.	**TÙY CHỌN MỞ RỘNG**	**45**		**45**
4.1.	Song ngành	30		30
4.2.	Ngành phụ	15		15

5.2. Danh mục môn học

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	**GIÁO DỤC TỔNG QUÁT**		**53**	**40**	**13**
1.1.	**Kiến thức và kỹ năng khai phóng**		**15**	**5**	**10**
1	CNTT109V1	Công nghệ thông tin thời đại số		3	
2	LUAT112V1	Dẫn luận pháp luật và quyền con người		2	
3	*Sinh viên tự chọn tích lũy 10 tín chỉ các môn học thuộc khối kiến thức và kỹ năng khai phóng (Phụ lục 1).*				10
1.2.	**Ngoại ngữ**		**18**	**18**	
4	TA128E1	English 1		3	
5	TA129E1	English 2		3	
6	TA130E1	English 3		3	
7	TA131E1	English 4		3	
8	TAPL101E1	English 5/ Tiếng Anh pháp lý 1		3	
9	TAPL102E1	English 6/ Tiếng Anh pháp lý 2		3	
1.3.	**Chính trị**		**11**	**11**	
10	GDTQ101V1	Triết học Mác - Lênin		3	
11	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	
12	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	
13	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	
14	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	
1.4.	**Thể chất và quốc phòng** *Không tính trung bình chung tích lũy*		**9**	**6**	**3**
15	GDTQ147V1	Giáo dục thể chất			3
16	GDTQ109V1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		6	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
2.	**NGÀNH**		**71**	**65**	**6**
2.1.	**Cơ sở ngành** *Cung cấp kiến thức nền tảng về hệ thống pháp luật và tư duy pháp lý. Sau khi học xong, sinh viên có kỹ năng áp dụng pháp luật vào các tình huống dân sự và hình sự.*		**17**	**17**	
17	LUAT102V1	Lý luận nhà nước và pháp luật		2	
18	LUAT111V1	Luật hiến pháp		2	
19	LUAT113V1	Luật dân sự		3	
20	LUAT114V1	Nghĩa vụ và hợp đồng		2	
21	LUAT115V1	Luật hình sự		3	
22	LUAT116V1	Chuyên đề tư duy 1 - Lịch sử nhà nước và pháp luật		1	
23	LUAT117V1	Chuyên đề tư duy 2 - Phòng chống tham nhũng		1	
24	LUAT118V1	Chuyên đề tư duy 3 - Pháp chế sử Việt Nam		1	
25	LUAT119V1	Chuyên đề tư duy 4 - Triết học pháp luật		1	
26	LUAT120V1	Chuyên đề tư duy 5 - Kinh tế học pháp luật		1	
2.2.	**Cốt lõi ngành** *Cung cấp kiến thức và kỹ năng pháp lý liên quan đến quy trình tố tụng, hoạt động tư pháp trong nước và quốc tế. Sau khi học xong, sinh viên có thể tham gia các tình huống pháp lý trong và ngoài tố tụng về hành chính, đất đai, lao động, thương mại, dân sự và hình sự.*		**38**	**38**	
27	LUAT235V1	Thực tập 1		2	
28	LUAT236V1	Thực tập 2		2	
29	LUAT237V1	Thực tập 3		2	
30	LUAT229V1	Luật tố tụng dân sự		2	
31	LUAT203V1	Luật tố tụng hình sự		2	
32	LUAT230V1	Luật lao động và an sinh xã hội		3	
33	LUAT231V1	Luật đất đai và môi trường		3	
34	LUAT216V1	Luật hành chính		3	
35	LUAT232V1	Luật kinh tế		3	
36	LUAT233V1	Luật sở hữu trí tuệ		2	
37	LUAT207V1	Công pháp quốc tế		2	
38	LUAT206V1	Tư pháp quốc tế		2	
39	LUAT234V1	Luật nhân quyền quốc tế		2	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
40	LUAT225V1	Chuyên đề thực tế 1 - Vụ án hình sự		2	
41	LUAT226V1	Chuyên đề thực tế 2 - Tư vấn doanh nghiệp		2	
42	LUAT227V1	Chuyên đề thực tế 3 - Thủ tục hành chính		2	
43	LUAT228V1	Chuyên đề thực tế 4 - Vụ án dân sự		2	
2.3.	**Chuyên ngành: Luật học tổng hợp và ứng dụng**		**16**	**10**	**6**
a)	**Nhóm môn bắt buộc**		**10**	**10**	
44	LUAT311V1	Lý luận và pháp luật về thuế		2	
45	LUAT323V1	Luật hôn nhân và gia đình		2	
46	LUAT312V1	Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật		2	
47	LUAT313V1	Kỹ năng văn bản hành chính thông dụng		2	
48	LUAT324V1	Tư duy như luật sư		2	
b)	**Nhóm môn tự chọn** (chọn 6 tín chỉ)		**6**		**6**
49	LUAT314V1	Luật học so sánh			2
50	LUAT325V1	Phân tích luật viết			2
51	LUAT316V1	Học thuyết pháp lý			2
52	LUAT317V1	Công chứng, chứng thực và thừa phát lại			2
53	LUAT318V1	Tư pháp đối với người chưa thành niên			2
54	LUAT319V1	Tố tụng trọng tài thương mại			2
55	LUAT320V1	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng			2
56	LUAT321V1	Kỹ năng viết lập luận và tranh biện pháp lý			2
57	LUAT322V1	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự			2
3.	**TỐT NGHIỆP** *Sau khi sinh viên hoàn thành tất ít nhất 70% số tín chỉ của CTĐT (84 tín chỉ, không kể tín chỉ GDTC và GDQP), sinh viên có thể đăng ký học phần tốt nghiệp theo MỘT trong hai hướng sau:* *- Thực tập tốt nghiệp và chuyên luận (6 tín chỉ): Ngoài quy định chung về thực tập của trường, báo cáo thực tập tối thiểu 10 trang và chuyên luận tối thiểu 5 trang A4.* *- Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ): GPA tối thiểu tại thời điểm đăng ký là 2.8. Báo cáo khóa luận tối thiểu 30 trang A4.*		**6**		**6**
58	LUAT401V1	Thực tập tốt nghiệp			6
59	LUAT402V1	Khóa luận tốt nghiệp			6

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG		45		45
4.1.	**Song ngành** *Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 30 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác theo khung quy định về các khối kiến thức song ngành của ngành tương ứng (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (không phải bằng đại học thứ 2) (Phụ lục 2).*		30		30
4.2.	**Ngành phụ** *Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 15 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác, theo khung quy định về các khối kiến thức của ngành phụ tương ứng (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được ghi nhận trong kết quả học tập (Phụ lục 3).*		15		15

5.3. Hoạt động bổ trợ đào tạo

Phương châm: Sống cũng là học thông qua Extracurricular activities.

Extracurricular activities (EC) thường được dịch sang tiếng Việt là 'hoạt động ngoại khóa', có nghĩa là bên ngoài khóa học, thường bao gồm các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các câu lạc bộ văn thể mỹ, thiện nguyện... Xác định các hoạt động này 'bên ngoài khóa học' là bởi chúng không phải là một phần của chương trình đào tạo hay môn học cụ thể nào, và do đó cũng không đóng góp vào điểm số và kết quả học tập của sinh viên.

Dù không chi phối đến kết quả học tập của sinh viên, EC vẫn có tác động quan trọng vào hình thành năng lực của người học. Để tránh hiểu nhầm rằng EC không có đóng góp gì cho sinh viên, nhà trường không gọi đây là 'hoạt động ngoại khóa' đơn thuần, mà coi đó là 'sự trải nghiệm đời sống sinh viên, sống cũng là học'. Trải nghiệm càng sâu thì học được càng nhiều.

a) Tham gia Đoàn - Hội và phát triển Đảng

Đoàn trường Đại học Thái Bình Dương và Hội Sinh viên Trường là 02 tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên và sinh viên TBD, được hình thành từ những ngày đầu thành lập trường. Qua hơn chục năm phát triển, các tổ chức này đã không ngừng lớn mạnh và tạo lập nhiều hoạt động trải nghiệm làm phong phú đời sống sinh viên. Một số hoạt động nổi bật như Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hội trại thường niên, Hội thao thường niên, Liên hoan văn nghệ thường niên.

Trong nhiều năm qua, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường đã luôn chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để giới thiệu cho Đảng xem xét và kết nạp.

b) Thể hiện bản thân ở các câu lạc bộ

Trường Đại học Thái Bình Dương tạo điều kiện để phát triển các câu lạc bộ (CLB) sinh viên nhằm đa dạng hóa trải nghiệm đời sống sinh viên. Nhà trường sẵn sàng tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí ban đầu cho các CLB hoạt động. Hiện TBD đã có nhiều CLB hình thành và đi vào hoạt động thiết thực: CLB Nghề Luật, CLB Khởi nghiệp, CLB English, CLB Guitar, CLB Dancing, các CLB thể thao bộ môn, các CLB thiện nguyện...

Mỗi CLB đều có những nét riêng về định hướng và văn hóa sinh hoạt. Sinh viên chủ động liên hệ thêm để tìm hiểu tham gia. Nhà trường có thể cung cấp một số nét chính về chủ trương như sau: (1) CLB sinh viên là do sinh viên kết nối, thành lập và làm chủ; (2) Nhà trường tạo điều kiện về chính sách, không gian hoạt động và một khoản kinh phí; (3) Đoàn - Hội là đơn vị cầu nối để phát huy những hỗ trợ của trường đến với CLB. Với các CLB cấp trường, Hội Sinh viên Trường có thể ra quyết định thành lập CLB như là một cách để hỗ trợ CLB hình thành ban đầu, tạo cho CLB một chỗ dựa về mặt cơ chế, nhưng vẫn giữ nguyên tắc 'CLB sinh viên là của sinh viên, do sinh viên chủ động phát triển'; (4) Các Khoa đóng vai trò hỗ trợ thành lập và tạo điều kiện phát triển đối với các CLB gắn liền với chuyên môn Khoa (CLB cấp khoa).

c) Bồi dưỡng văn hóa đọc và nhiều điều khác tại thư viện

Thư viện Đại học Thái Bình Dương là một trung tâm thông tin thân thiện với người dùng, cung cấp môi trường hỗ trợ học tập phù hợp giá trị cốt lõi của nhà trường. Là một không gian phức hợp, bao gồm các khu vực làm việc nhóm, khu vực học tập độc lập và khu vực học tập chung, thư viện là nơi lý tưởng cho người đọc trong các hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

Thư viện TBD còn là nơi tạo cảm hứng và khơi dậy niềm đam mê tìm hiểu, sáng tạo, mở rộng tầm nhìn, đón nhận tích cực, thông qua các hoạt động thường xuyên như nói chuyện, thuyết trình, thảo luận sách, triển lãm, chiếu phim, giới thiệu tác phẩm.

Nhà trường còn chủ trương xây dựng thư viện thành một "không gian tự quản". Theo đó, thư viện không chỉ mở cửa theo giờ làm việc thông thường, mà còn mở rộng giờ hoạt động tối đa theo nhu cầu của sinh viên, đặc biệt là đối với các sinh viên đang ở ký túc xá. Sinh viên được trao quyền tự quản và sử dụng thư viện trong các giờ mở rộng này. Tùy theo nhu cầu của sinh viên mà thời gian mở rộng sẽ được nới dần, với mục tiêu lâu dài tạo được một thư viện mở cửa 24/7.

d) Tận hưởng đời sống ký túc xá ở TBD Campus Resort

Ký túc xá (KTX) Trường Đại học Thái Bình Dương được bố trí ngay trong khuôn viên nhà trường (on-campus), không phải chỉ vì lý do thuận tiện đi lại, mà vì một tiêu xa hơn. Đó là để xây dựng một cuộc sống "khai phóng" trong KTX. Qua đó, xây dựng những cư dân KTX có năng lực xây dựng mối quan hệ, với trí thông minh cảm xúc, có trách nhiệm cá nhân, và biết quan tâm đến người khác.

e) Thỏa sức đam mê ở Trung tâm Thể dục thể thao TBD

Hiện tại, khu thể thao đa năng đã cung cấp các dịch vụ sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ. Đang tiến tới hoàn thành các hạng mục khác gồm sân tenis, bóng bàn và võ thuật.

PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

Mã môn học	Môn học	Chuẩn đầu ra (PLO)													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
GIÁO DỤC TỔNG QUÁT															
Kiến thức và kỹ năng khai phóng															
CNTT109V1	Công nghệ thông tin thời đại số	X											X	X	X

Mã môn học	Môn học	Chuẩn đầu ra (PLO)													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
LUAT112V1	Dẫn luận pháp luật và quyền con người	X											X	X	X
Ngoại ngữ															
TA128E1	English 1												X	X	X
TA129E1	English 2												X	X	X
TA130E1	English 3												X	X	X
TA131E1	English 4												X	X	X
TAPL101E1	English 5/ Tiếng Anh pháp lý 1												X	X	X
TAPL102E1	English 6/ Tiếng Anh pháp lý 2												X	X	X
Chính trị															
GDTQ101V1	Triết học Mác - Lênin	X											X	X	X
GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X											X	X	X
GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X											X	X	X
GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X											X	X	X
GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X											X	X	X
Thể chất và quốc phòng															
GDTQ147V1	Giáo dục thể chất												X	X	X
GDTQ109V1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh												X	X	X
NGÀNH															
Cơ sở ngành															
LUAT102V1	Lý luận nhà nước và pháp luật		X	X											
LUAT111V1	Luật hiến pháp		X	X											
LUAT113V1	Luật dân sự		X	X											
LUAT114V1	Nghĩa vụ và hợp đồng		X	X											
LUAT115V1	Luật hình sự		X	X											
LUAT116V1	Chuyên đề tư duy 1 - Lịch sử NN và pháp luật		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT117V1	Chuyên đề tư duy 2 – Phòng chống tham nhũng		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT118V1	Chuyên đề tư duy 3 – Pháp chế sử Việt Nam		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT119V1	Chuyên đề tư duy 4 - Triết học pháp luật		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT120V1	Chuyên đề tư duy 5 - Kinh tế học PL		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
Cốt lõi ngành															
LUAT235V1	Thực tập 1									X					
LUAT236V1	Thực tập 2									X					
LUAT237V1	Thực tập 3									X					
LUAT229V1	Luật tố tụng dân sự		X	X	X										
LUAT203V1	Luật tố tụng hình sự		X	X	X										
LUAT230V1	Luật lao động và an sinh xã hội		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT231V1	Luật đất đai và môi trường		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT216V1	Luật hành chính		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT232V1	Luật kinh tế		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT233V1	Luật sở hữu trí tuệ		X	X	X	X	X	X	X	X	X				

Mã môn học	Môn học	Chuẩn đầu ra (PLO)													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
LUAT207V1	Công pháp quốc tế		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT206V1	Tư pháp quốc tế		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT234V1	Luật nhân quyền quốc tế		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT225V1	Chuyên đề thực tế 1 - Vụ án hình sự		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT226V1	Chuyên đề thực tế 2 - Tư vấn doanh nghiệp		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT227V1	Chuyên đề thực tế 3 - Thủ tục hành chính		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT228V1	Chuyên đề thực tế 4 - Vụ án dân sự		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
Chuyên ngành: Luật học tổng hợp và ứng dụng															
Nhóm môn bắt buộc															
LUAT311V1	Lý luận và pháp luật về thuế		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT323V1	Luật hôn nhân và gia đình		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT312V1	Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT313V1	Kỹ năng văn bản hành chính thông dụng		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT324V1	Tư duy như luật sư														
Nhóm môn tự chọn (chọn 6 tín chỉ)															
LUAT314V1	Luật học so sánh		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT325V1	Phân tích luật viết		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT316V1	Học thuyết pháp lý		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT317V1	Công chứng, chứng thực và thừa phát lại		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT318V1	Tư pháp đối với người chưa thành niên		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT319V1	Tố tụng trọng tài thương mại		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT320V1	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT321V1	Kỹ năng viết lập luận và tranh biện pháp lý		X	X	X	X	X	X	X	X	X				
LUAT322V1	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự														
TỐT NGHIỆP															
LUAT401V1	Thực tập tốt nghiệp									X					
LUAT402V1	Khóa luận tốt nghiệp		X	X	X	X	X	X	X	X	X				

6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác

Đối sánh với một số chương trình đào tạo ngành luật của các cơ sở đào tạo như sau:

CTĐT1: Khoa Luật – ĐHQGHN

CTĐT2: Trường Đại học Luật Hà Nội

CTĐT3: Trường Đại học Luật Huế

CTĐT4: Trường Đại học Luật TP.HCM

CTĐT5: Trường Đại học Cần Thơ

X: Học phần có nội dung tương thích; C: Học phần có nội dung gần

TT	Mã môn học	Môn học	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5
2.1.	**Cơ sở ngành**						
1	LUAT102V1	Lý luận nhà nước và pháp luật	X	X	X	X	X
2	LUAT111V1	Luật hiến pháp	X	X	X	X	X
3	LUAT113V1	Luật dân sự	X	X	X	X	X
4	LUAT114V1	Nghĩa vụ và hợp đồng	X	X	X	X	X
5	LUAT115V1	Luật hình sự	X	X	X	X	X
6	LUAT116V1	Chuyên đề tư duy 1 - Lịch sử NN và pháp luật					
7	LUAT117V1	Chuyên đề tư duy 2 - Phòng chống tham nhũng					
8	LUAT118V1	Chuyên đề tư duy 3 - Pháp chế sử Việt Nam					
9	LUAT119V1	Chuyên đề tư duy 4 - Triết học pháp luật					
10	LUAT120V1	Chuyên đề tư duy 5 - Kinh tế học pháp luật					
2.2.	**Cốt lõi ngành**						
11	LUAT235V1	Thực tập 1					
12	LUAT236V1	Thực tập 2					
13	LUAT237V1	Thực tập 3					
14	LUAT229V1	Luật tố tụng dân sự	X	X	X	X	X
15	LUAT203V1	Luật tố tụng hình sự	X	X	X	X	X
16	LUAT230V1	Luật lao động và an sinh xã hội	X	X	X	X	X
17	LUAT231V1	Luật đất đai và môi trường	X	X	X	X	X
18	LUAT216V1	Luật hành chính	X	C	C	C	C
19	LUAT232V1	Luật kinh tế	C	X			C
20	LUAT233V1	Luật sở hữu trí tuệ	C		X		
21	LUAT207V1	Công pháp quốc tế	X	X	X	X	X
22	LUAT206V1	Tư pháp quốc tế	X	X	X	X	X
23	LUAT234V1	Luật nhân quyền quốc tế	C	C	C	C	C

TT	Mã môn học	Môn học	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5
24	LUAT225V1	Chuyên đề thực tế 1 - Vụ án hình sự					
25	LUAT226V1	Chuyên đề thực tế 2 - Tư vấn doanh nghiệp					
26	LUAT227V1	Chuyên đề thực tế 3 - Thủ tục hành chính					
27	LUAT228V1	Chuyên đề thực tế 4 - Vụ án dân sự					
2.3.	**Chuyên ngành: Luật học tổng hợp và ứng dụng**						
a)	**Nhóm môn bắt buộc**						
28	LUAT311V1	Lý luận và pháp luật về thuế		X			
29	LUAT323V1	Luật hôn nhân và gia đình	X	X	X	X	X
30	LUAT312V1	Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật					
31	LUAT313V1	Kỹ năng văn bản hành chính thông dụng	C	C	C	C	C
32	LUAT324V1	Tư duy như luật sư					
b)	**Nhóm môn tự chọn** (chọn 6 tín chỉ)						
33	LUAT314V1	Luật học so sánh	X	X	X		
34	LUAT325V1	Phân tích luật viết					
35	LUAT316V1	Học thuyết pháp lý		X	C	X	
36	LUAT317V1	Công chứng, chứng thực và thừa phát lại					
37	LUAT318V1	Tư pháp đối với người chưa thành niên					
38	LUAT319V1	Tố tụng trọng tài thương mại					
39	LUAT320V1	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	X	C	X	X	
40	LUAT321V1	Kỹ năng viết lập luận và tranh biện pháp lý	X	X	X		
41	LUAT322V1	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự	X	C	C		
3.	**TỐT NGHIỆP**						

TT	Mã môn học	Môn học	CT1	CT2	CT3	CT4	CT5
42	LUAT401V1	Thực tập tốt nghiệp					
43	LUAT402V1	Khóa luận tốt nghiệp					

PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu

LỘ TRÌNH 3,5 NĂM – 11 HỌC KỲ

TT	NĂM THỨ 1	Số tín chỉ	Ghi chú	
		37		
	HỌC KỲ 1	**12**		
1	English 1	3	Bố trí cứng	AB
2	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	2	Môn tự chọn	AB
3	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	2	Môn tự chọn	AB
4	Lý luận nhà nước và pháp luật	2		AB
5	Luật hiến pháp	2		AB
6	Chuyên đề tư duy 1 - Lịch sử nhà nước và pháp luật	1		AB
	HỌC KỲ 2	**7**		
1	English 2	3	Bố trí cứng	
2	Luật dân sự	3		
3	Chuyên đề tư duy 2: Phòng chống tham nhũng	1		K
	HỌC KỲ 3	**18**		
1	English 3	3	Bố trí cứng	A
2	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	3	Môn tự chọn	A
3	Công nghệ thông tin thời đại số	3		A
4	Luật hình sự	3		B
5	English 4	3	Bố trí cứng	B
6	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	3	Môn tự chọn	B
TT	**NĂM THỨ 2**	**Số tín chỉ**	**Ghi chú**	
		43		
	HỌC KỲ 4	**16**		
1	English 5/ Tiếng Anh pháp lý 1	3	Bố trí cứng	A
2	Nghĩa vụ và hợp đồng	2		A

3	Thực tập 1	2		AB
4	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	6	Bố trí cứng	B
5	Luật tố tụng hình sự	2		B
6	Chuyên đề tư duy 3 - Pháp chế sử Việt Nam	1		K
	HỌC KỲ 5	**7**		
1	English 6/ Tiếng Anh pháp lý 2	3	Bố trí cứng	
2	Dẫn luận pháp luật và quyền con người	2		
3	Chuyên đề thực tế 1: Vụ án hình sự	2		K
	HỌC KỲ 6	**20**		
1	Giáo dục thể chất	3		A
2	Luật kinh tế	3		A
3	Luật lao động và an sinh xã hội	3		A
4	Chuyên đề tư duy 4: Triết học pháp luật	1		K
5	Triết học Mác - Lênin	3	Bố trí cứng	B
6	Luật hành chính	3		B
7	Luật tố tụng dân sự	2		B
8	Chuyên đề thực tế 2 - Tư vấn doanh nghiệp	2		K
TT	**NĂM THỨ 3**	**Số tín chỉ**	**Ghi chú**	
		34		
	HỌC KỲ 7	**12**		
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Bố trí cứng	A
2	Luật đất đai và môi trường	3		A
3	Luật hôn nhân và gia đình	2		A
4	Thực tập 2	2		AB
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Bố trí cứng	B
6	Chuyên đề tư duy 5 - Kinh tế học pháp luật	1		K
	HỌC KỲ 8	**6**		
1	Chuyên đề thực tế 3: Thủ tục hành chính	2		K
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Bố trí cứng	
3	Công pháp quốc tế	2		
	HỌC KỲ 9	**16**		
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Bố trí cứng	A

2	Luật sở hữu trí tuệ	2		A
3	Tư pháp quốc tế	2		A
4	Chuyên đề thực tế 4: Vụ án dân sự	2		K
5	Thực tập 3	2		AB
6	Luật nhân quyền quốc tế	2		B
7	Tư duy như luật sư	2		B
8	Lý luận và pháp luật về thuế	2		B
TT	**NĂM THỨ 4**	**Số tín chỉ**	**Ghi chú**	
		16		
	HỌC KỲ 10	**16**		
1	Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật	2		A
2	Kỹ năng văn bản hành chính thông dụng	2		A
3	Luật học so sánh	2		A
4	Phân tích luật viết	2		A
5	Học thuyết pháp lý	2		A
6	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp	6		B
	HỌC KỲ 11	**0**		
1	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp (tiếp tục)	6		

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Các học phần tự chọn trong nhóm học phần Giáo dục tổng quát, tự chọn chuyên ngành, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng học kỳ như sĩ số sinh viên đăng ký, giảng viên, các điều kiện cơ sở vật chất.

- Tất cả các học phần được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được duyệt và phải được cung cấp, giải thích cho sinh viên ngay từ đầu học kỳ.

- Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 41
SV năm II	42 - 77
SV năm III	78 –124
SV năm IV	Từ 125 trở lên

- Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

- Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

- Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/ học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Khoa/ Bộ môn hướng dẫn sinh viên đăng ký các môn học bắt buộc và lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp.

P.Trưởng Khoa	**KT. Hiệu trưởng**
Phụ Trách Khoa	**Phó Hiệu Trưởng**
ThS. Nguyễn Hữu Quy	**TS. Phạm Quốc Lộc**